



# Nghiên cứu tính đa dạng thực vật và thảm thực vật Vùng Đ án Hành lang xanh t nh Th a Thiên-Hu

**Leonid V. Averyanov, Phan K L c, Nguy n Ti n Hi p,  
Nguy n Ti n Vinh, Ph m V n Th , Tô V n Th o,  
Tr n Minh c, Ngô Trí D ng, D ng V n Thành, Lê Thái Hùng,  
Anna L. Averyanova, and Jacinto Regalado Jr.**





## L i g i i t h i u

Báo cáo này trình bày các kết quả khảo sát nghiên cứu về  
động thực vật và thảm thực vật tiến hành tại gia súc  
tháng 3 và tại gia súc tháng 4 và gia súc tháng 5 năm 2005  
đi nghiên cứu của Dự án Hành lang xanh các huyện  
A L i, H ãng Th ý và Nam òng, tỉnh Thừa Thiên  
Hu .





## Những nghiên cứu thực địa

Những khu rừng Trung Trường Sơn vẫn còn ít nghiên cứu địa phương và thực địa, và kiến thức về tính đa dạng sinh học địa phương còn lâu mới đầy đủ. Những kế hoạch thực địa hoàn thiện sẽ xuất bản cho VQG Bạch Mã (Mai Văn Phô, 1994; Nguyễn Nghĩa Thìn và Mai Văn Phô, 2003), KDTTN Phong Điền - Ái Kông (Lê Trọng Trí và cộng sự, 1999a) và KDTTN Ngọc Linh (Lê Trọng Trí và cộng sự, 1999b).





## Mục tiêu

Mục đích chính của cuộc khảo sát là mô tả các khu rừng chính trong khu vực Dự án Hành lang xanh, nâng cao sự hiểu biết tính đa dạng loài thực vật, đánh giá và phân giá các khu vực có ý nghĩa sinh học và xác định các mục ưu tiên cho sự bảo tồn.





## Các ph ng pháp

Vi c i u tra ngoài tr i bao g m l y m u nghiên c u t t c các môi tr ng s ng trong khu v c nghiên c u có cao gi a 80 và 1150 m trên m t bi n.





## Các phương pháp

Chúng tôi đã tiến hành quan sát và mô tả các khu vực chính và hệ sinh thái đa dạng vào buổi sáng từ 1517 giờ sáng thu thập và đưa vào nghiên cứu các chỉ số, bao gồm các đặc điểm của các loài cây gỗ và cây không gỗ.





## Các phương pháp

Tổng số gần 101 ô tiêu chuẩn, đi kèm cho tất cả các khu vực xã hội và văn hóa lịch sử của các vùng thành lập, bao gồm 52 ô các loài cây không phải gỗ và 49 ô các loài cây gỗ.





## Người tham gia

- **Leonid V. Averyanov, Anna L. Averyanova** – Viện thực vật học Kômarốp, Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga, Xanh Pêtécxbua
- **Phan Kế Lộc, Nguyễn Tiến Hiệp, Nguyễn Tiến Vinh, Phạm Văn Thọ, Tô Văn Thọ** – Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện khoa học và công nghệ Việt Nam, Hà Nội
- **Trần Minh Đức, Ngô Trí Dũng, Đặng Văn Thành, Lê Thái Hùng** - Trường Đại học nông lâm Huế, Trường Đại học Huế
- **Jacinto Regalado** – Viện thực vật Mítxuri, Xanh Lôi





## Các khu vực nghiên cứu

- *Huyện Nam Đông, xã Hoàng Sơn*
- *Huyện Lai Vỹ, xã An Rồng*
- *Huyện Lai Vỹ, các xã Hoàng Kim và Hoàng Vân*
- *Huyện Lai Vỹ, xã Hoàng Nguyên*
- *Huyện Hoàng Thới, xã Đông Hòa*





[www.panda.org/greatermekong](http://www.panda.org/greatermekong)

B n các a i m nghiên c u





## Các kết quả nghiên cứu

Trong quá trình khảo sát đã ghi nhận có 869 loài Thực vật bậc cao có mạch (bao gồm Ráng (Đông x) và các nhóm có quan hệ với Ráng, Hết tr n và Hết kín), thu được 489 chi và 131 họ.





## Các kết quả nghiên cứu

Trong số này có 64 loài chim áp phing, chim và gibbon chim, 15 loài có thể mới cho khoa học, và một số chi và loài ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam.





## adng Th c v t

Đưa vào kiến thức phân loại cá i i u tra và kinh nghiệm t ch c i u tra  
Việt Nam s loài ã ghi nh n c chi m kho ng 50 % t ng s loài đ  
ki n có ây.





## a d ñ ng Th c v t

Có th ð óán t ñ g s loài Th c v t b c cao có m ch ð ùng nghiê n c u c a D án Hành lang xanh sau khi ki m kê y s lên ñ n 1700-2000 loài.





## a d ng Th c v t

H th c v t c a t t c các i m nghiên c u là i n hình cho h th c v t t th p c a ti u vùng a lý th c v t Trung Tr ãng S n. Các loài thu c y u t t i ch (b n a), y u t th ãng có s phân b h p, t o thành ph n lĩ ch y u (ít nh t 60%) c a h th c v t th m th c v t nguyên sinh.





## Thảm thực vật

Trong số các thảm thực vật hiện sinh đang bị nghiên cứu thu hẹp ở vùng thảm thực vật Trung Trung Sơn và miền hạ thảo ôn đới, điển hình là -Malaixia và các quần thể (Averyanov *et al.*, 2003a, b).





## S ánh giá các taxôn b c cao

M i (10) h gi u loài nh t trong h th c v t c nghiên c u là Polypodiaceae (theo ngh a r ng), Orchidaceae, Rubiaceae, Euphorbiaceae, Zingiberaceae, Annonaceae, Melastomataceae, Myrsinaceae, Fabaceae và Moraceae. Nh ng h này g m kho ng 52% t ng s loài ã ghi nh n c cho toàn h th c v t.





## S ánh giá các taxôn b c cao

M i (10) chi l n nh t trong h th c v t này là *Ardisia* (Myrsinaceae), *Ficus* (Moraceae), *Asplenium*, *Diplazium* và *Tectaria* (Polypodiaceae), *Alpinia* (Zingiberaceae), *Hedyotis* và *Lasianthus* (Rubiaceae), và *Begonia* (Begoniaceae).





## S so sánh v i VQG B ch Mã và các KDTTN ákrông-Phong i n

H th c v t c a khu v c nghiên c u c a D án Hành lang xanh th hi n rõ s t ng t v i các h th c v t t th p c a V n Qu c gia (VQG) B ch Mã và Khu d tr thiên nhiên (KDTTN) Phong i n- ákrông. Tuy nhiên, VQG B ch Mã có m t s loài m c vành ai núi th p v i các ch m cao h n 1000m, mà không g p trong vùng nghiên c u c a chúng tôi.





## Số lượng Lan nh mô hình phân tích h th c v t

H Lan (Orchidaceae) c s d ng nh là m t taxôn ch th đ phân tích s b h th c v t và đ so sánh v i th m th c v t c a các khu v c b i vì nó là h th c v t duy nh t Vi t Nam mà hi n nay có đ d li u đ so sánh. Lan là h th c v t có hoa l n nh t trong h th c v t Vi t Nam, bao g m đ i di n c a t t c các y u t đ a lý và h th c v t xu t hi n nh ng môi trư ng s ng.





## Số lượng Lan nhện mô hình phân tích hệ thống thực vật

Đi tìm và khám phá và ghi nhận 4 chi (*Gastrodia*, *Pristiglottis*, *Robiquetia* và *Stereosandra*) và 19 loài Lan nhện cho hệ thống thực vật ở vùng địa lý thực vật Trung Trầm Sơn (*Apostasia odorata*, *Bulbophyllum clandestinum*, *B. macranthum*, *Cleisostoma melanorachys*, *Eria floribunda*, *E. gagnepaini*, *E. pusilla*, *Eulophia spectabilis*, *Liparis chapaensis*, *L. petelotii*, *L. stricklandiana*, *L. tixieri*, *Neuwiedia balansae*, *Oberonia rufilabris*, *Pristiglottis saprophytica*, *Robiquetia spathulata*, *Stereosandra javanica*, *Thrixspermum fragrans* và *T. pricei*). Một số loài hybrid có thể là mới cho khoa học như *Gastrodia sp.nov.*, *Lecanorchis sp.nov.1*, *Lecanorchis sp.nov.2* và *Saccolabiopsis sp.nov.*





## Số lượng Lan nhện mô hình phân tích hệ thực vật

Trong số 138 loài Lan nhện có mặt trong các hệ thực vật thì 69 loài (50%) tìm thấy trong các khu vực. Số khác nhau về cao độ thích các số khác nhau về tập hợp các loài. Hệ Lan nhện vùng nghiên cứu của Dự án Hành lang xanh bao gồm nhiều loài thực vật phân bố là các VQG Bạch Mã, nơi có nhiều loài phân bố cao hơn.





## Các nhóm thực vật quan trọng khác vùng nghiên cứu

- *Rừng* và các nhóm có quan hệ gần gũi
- *Hạt trần*
- *Một số loài cây gỗ* đặc trưng
- *Cây thuốc, cây cảnh*
- *Các loài thực vật địa phương, thực vật và gỗ quý*





## *Ráng*

Ráng và các ngành có quan hệ hàng g n g i chi m kho ng 7-10 % t ng s loài các h th c v t t th p, cao h n các h th c v t trên núi. i u ó có ngh a vùng nghiên c u c a D án s loài Ráng và các ngành có quan h sau khi ki m kê y s có th lên n 200. Các loài Ráng và các ngành có quan h h hàng ít có giá tr b o t n t t c các h th c v t trên th gi i. Trong Sách Vi t Nam (1996) ch nêu lên 5 loài.





## *Ráng*

Trong quá trình khảo sát vùng nghiên cứu của Dự án chúng tôi đã thu được 270 số hiệu và xác định chúng thuộc về 145 loài của 74 chi Ráng và các ngành có quan hệ hàng gần gũi. VQG B ch Mã nhóm này có tính đa dạng cao hơn, gồm 180 loài, thuộc 73 chi và 28 họ (Nguyễn Nghĩa Thìn, Mai Văn Phô, 2003), trong khi các KDTTN Phong kiến- áckrông chiếm 43 loài thuộc 24 chi và 18 họ (BirdLife, Report No 4, 1999).





## *H t tr n*

vùng nghiên c u ch a thu c m u v t c a m t loài Tu nào

B n loài Thông ã c ghi nh n vùng nghiên c u c a D án. ó là *Podocarpus neriifolius*, *Nageia wallichiana*, *Dacrycarpus imbricatus* và *Dacrydium elatum*, t t c u thu c h Thông tre Podocarpaceae

Ch có m t loài g m *Gnetum latifolium* bi t ch c ch n, loài th hai ch a thu c m u v t.





## Cây g

K t qu nghiên c u các ô cho th y ít nh t 80% s loài cây g trong t t c các ô c a vùng nghiên c u, t r ng nguyên sinh ch a b tác ng n b khai thác n ng gi ng nhau và ch g m các y u t t i ch . ó là các loài cây g th ng xanh lá r ng: *Hopea pierrei*, *Parashorea stellata*, *Canarium* spp., *Dacryodes* spp., *Dipterocarpus kerrii*, *Sindora tonkinensis*, *Palaquium* spp., *Artocarpus* spp., *Pometia pinnata*, *Xerospermum noronhianum*, *Paviaesia anamense*, *Horsfieldia* sp., *Elaeocarpus* spp., *Syzygium* spp., *Diospyros* spp., *Lithocarpus* spp., *Castanopsis indica*, *Scaphium macropodium*, *Tarrietia cochinchinensis*, *Aquilaria* spp., v.v.





[www.panda.org/greatermekong](http://www.panda.org/greatermekong)

## Các loài có thể tìm thấy cho khoa học





[www.panda.org/greatermekong](http://www.panda.org/greatermekong)

# Qu n xã th c v t a i

Ch có m t ki u r ng c ghi nh n: *R ng r m th ng xanh*  
*m a mùa nhi t i cây lá r ng t th p*





## Quần xã thực vật đa dạng

Có thể chia các quần xã thực vật đa dạng này thành 7 loại hình thực vật chính:

1) Rừng nguyên sinh chàm tác động rừng xanh cây lá rộng  
tropical





# Quần xã thực vật và động vật

2) Rừng nguyên sinh bị khai thác mất phần lớn thảm thực vật xanh cây lá rừng





## Qu n xã th c v t a i

3) R ng th sinh r m th ng xanh cây lá r ng t th p





# Qu n xã th c v t a i

## 4) R ng th sinh th a cây lá r ng t th p





# Qu n xã th c v t a i

## 5) Tr ng cây b i th sinh r m





# Qu n xã th c v t a i

## 6) Tr ng cây b i th sinh th a





# Quần xã thực vật và động vật

## 7) Các quần xã trăn cạp và Rừng thối sinh thối





Các loài thực vật cho rừng nguyên sinh rất phong phú ở vùng nghiên cứu của Dự án là *Hopea pierrei*, *Dipterocarpus hasseltii*, *Parashorea stellata*, *Palaquium* spp., *Madhuca pasquieri*, *Canarium* spp., *Dacryodes* sp., *Aglaia* sp., và nhiều loài khác. Chúng là các loài ưu thế.





Chức năng cho rừng nguyên sinh là sự phong phú của các loài cây gỗ mọc nhanh, đa dạng như *Cratoxylum* spp., *Memecylon edule*, *Ormosia* spp., *Peltophorum dasyrrhachis*, *Trema orientalis*, và nhiều loài khác.





## Quần xã thực vật phi địa phương

Chúng tôi đang phân tích các quần xã thực vật phi địa phương khác nhau như các quần xã thực vật đặc biệt siêu cao số lượng biến động thấp và các quần xã mọc trên đá các sông suối và các vách đá đứng.

